

Bản án số: 179/2025/HS-ST
Ngày: 06 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thuỳ Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nga

Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan – Thư ký Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số 141/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 730/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Dương Thanh T – sinh năm: 1988 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Thanh T1 và bà Hồ Thị G; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Tại Bản án số 35/2021/HSTT ngày 25/6/2021 Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/6/2022, chưa chấp hành xong án phí theo quy định.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 33/2010/HSST ngày 11/3/2010 Toà án nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong án phí ngày 22/4/2010.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2023 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn C (tên gọi khác Cường L) – sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Không có; nơi cư trú: Sống lang thang; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định và bà: Không xác định; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 169/2015/HSST ngày 27/5/2015 Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2015, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm do Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức chưa thụ lý.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2023 đến nay, có mặt.

3. Tổng Giang B – sinh năm: 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú hiện nay: Nhà không số, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Giang T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm: 1959; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2023 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1970; Địa chỉ: B, tổ A, khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Ông Bùi Xuân H1, sinh năm: 1962; Địa chỉ: E, tổ F, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Ngọc A, sinh năm: 1982; Địa chỉ: A, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

+ Ông Ngô Văn S, sinh năm: 1987; Địa chỉ: E L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh năm: 1998; Địa chỉ: D L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Ông Võ Lê Minh T3, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 2 T, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Ông Hà Văn H2, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 2 T, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công việc thu nhập ổn định nên Dương Thanh T, Nguyễn Văn C nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người có sơ hở trên địa bàn Quận A, Thành phố

Hồ Chí Minh để trộm cắp, bán cho Tống Giang B lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào khoảng 02 giờ ngày 28/8/2023, Dương Thanh T đi bộ tìm tài sản để chiếm đoạt, khi đến địa chỉ nhà số B, tổ A, khu phố B, phường Đ, Quận A do bà Lê Thị Ngọc H làm chủ, T phát hiện cửa nhà không khóa, không thấy ai bên trong nên mở cửa vào và lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị Ngọc H và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 59G2-307.18 cùng chìa khóa xe, nổ máy điều khiển xe mô tô tẩu thoát.

Sau đó, T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C nói vừa trộm cắp được xe mô tô biển số 59G2-307.18 và nhờ C giới thiệu người mua, C đồng ý và liên hệ với Tống Giang B nói cần bán xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có nói trên. B đồng ý, B và C thỏa thuận giá mua bán là 8.500.000đồng, giao dịch mua bán tại công chào tỉnh Tây Ninh thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi bán, C nói với T chỉ bán được số tiền 7.500.000đồng, T chia cho C số tiền 500.000đồng, phần T 7.000.000 đồng, cả hai đã tiêu xài hết, T giữ lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, số Imei: 355340089302955 để sử dụng; còn căn cước công dân mang tên Lê Thị Ngọc H thì T đã ném ở vị trí không xác định. Đối với B, sau khi mua xe đã mang đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh nhờ 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) mang xe qua nước Campuchia bán được số tiền 11.000.000đồng, B chia cho nam thanh niên này số tiền 700.000đồng, số tiền còn lại B tiêu xài hết. Đến ngày 05/9/2023, bà H đến Công an phường Đ, Quận A trình báo sự việc (BL số 50-65; 139-151)

Tại Kết luận định giá tài sản số 353/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A đã kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 59G2-307.18, trị giá 18.500.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 màu đen trị giá 1.300.000đồng (Tổng trị giá tài sản là 19.800.000đồng)” (BL số 133-138).

Vụ 2: Khoảng 02 giờ ngày 29/8/2023, C gọi điện thoại rủ T trộm cắp tài sản, T đồng ý. Khi cả hai đi bộ đến nhà số E, tổ F, khu phố C, phường T, Quận A do ông Bùi Xuân H1 làm chủ, phát hiện nhà không khóa cửa nên T và C đi vào bên trong nhà lục soát lấy được 01 Laptop nhãn hiệu Dell Vostro và 01 Laptop nhãn hiệu Sony cùng 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53P1-9099, T lấy chìa khóa xe mang theo sẵn phá khóa xe mô tô nổ máy điều khiển chở C tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản C mang xe đến trước địa chỉ số A đường Q, khu phố B, phường T, Quận B bán cho 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) được số tiền 2.000.000đồng, T và C chia nhau mỗi người 1.000.000đồng tiêu xài cá nhân hết. Riêng 02 laptop nêu trên, C mang về nhà trọ của Trần Thị M (sống chung với C không kết hôn) tại số C, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cất giữ. Đến ngày 05/9/2023, ông H1 đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc (BL số 176-181, 50-65, 139-151).

Tại Kết luận định giá tài sản số 353/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A đã kết luận: 01 xe mô tô

nhãn hiệu Dream biển số 53P1-9099 trị giá 13.000.000đồng; 01 Laptop, nhãn hiệu Dell Vostro trị giá 4.000.000đồng và 01 Laptop nhãn hiệu Sony trị giá 2.500.000đồng; Tổng trị giá tài sản là 19.500.000đồng” (BL số 133-138).

Vụ 3: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/8/2023, T đi bộ tìm tài sản để chiếm đoạt, khi đến nhà số A, tổ A, khu phố F, phường T, Quận A do bà Đỗ Thị Ngọc A làm chủ, phát hiện bên trong nhà có 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 59V2-673.30, T lấy sợi kẽm mang theo mở khóa cửa nhà vào trong lấy được xe mô tô này tẩu thoát và gọi điện thoại cho Tống Giang B nói cần bán xe có nguồn gốc do trộm cắp mà có, B đồng ý mua xe này với giá 9.000.000đồng, giữa T và B giao dịch mua bán xe mô tô tại cổng chào tỉnh Tây Ninh thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, B mang xe đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh nhờ 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) mang qua nước Campuchia bán với giá 11.000.000đồng (B chưa lấy được tiền và cũng chưa trả tiền cho T). Đến ngày 05/9/2023, bà Ngọc A đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc (BL số 209, 215-217, 50-65, 139-151).

Tại Kết luận định giá tài sản số 353/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A đã kết luận: “01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 59V2-673.30 trị giá 22.500.000đồng” (BL số 133-138).

- Ngoài 03 vụ chiếm đoạt tài sản tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, các bị cáo còn thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản rồi mang đi tiêu thụ trên địa bàn Quận A và thực hiện 01 vụ trên địa bàn Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Vụ 1: Ngày 03/8/2023, Dương Thanh T rủ Nguyễn Văn C đi tìm tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, C đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng xám, không rõ biển số chở T đi lòng vòng trên các tuyến đường, khi đến địa bàn Quận A thì T nói C cho T xuống xe để đi vào trong hẻm tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản, còn C thì điều khiển xe chạy lòng vòng bên ngoài. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, T đến địa chỉ nhà số E đường L, phường A, Quận A do ông Ngô Văn S làm chủ thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng xám, biển số 59P1-933.13 dựng trước cửa nhà phía trong cổng, có khóa cổng bằng ổ khóa, trong ổ khóa xe còn cắm chìa khóa. T mở khóa cửa cổng và gọi điện thoại cho C đến, C vào trong dắt xe mô tô ra ngoài, bẻ khóa rồi điều khiển xe vừa chiếm đoạt được còn T điều khiển xe mô tô không rõ biển số của C cùng nhau đi đến cổng chào phân chia địa giới hành chính giữa Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh thuộc phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán xe mô tô này cho Tống Giang B với giá 5.000.000đồng. B biết xe do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua sau đó mang mô tô trên ra cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh bán lại cho một nam thanh niên tên “N” (không rõ lai lịch) với giá 7.000.000đồng. Đến ngày 07/9/2023 ông Ngô Văn S đến Công an phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Tại Kết luận định giá số 78/KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết

luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng xám, biển số 59P1-933.13 trị giá 17.900.000đồng (BL số 474-477).

Vụ 2: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/8/2023, Nguyễn Văn C rủ Dương Thanh T đi tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt, T đồng ý và cả hai bắt xe ôm đến Công viên H Phú Thọ trên đường L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến trước nhà số D đường L, phường A, Quận A do bà Nguyễn Ngọc Thảo V làm chủ, T phát hiện bên trong nhà có xe mô tô nên T mở cửa, cả 02 lén vào bên trong phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, màu bạc đen, biển số 59M2-063.94 có chìa khóa sẵn trên xe nên cả hai cùng dắt xe ra, C điều khiển xe chở T đến khu vực cầu vượt A thuộc Quận A, T xuống xe và yêu cầu C tự đi bán. Sau đó, C điều khiển xe mô tô này đến cổng chào phân chia địa giới hành chính giữa Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh thuộc phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh bán xe cho Tống Giang B được 10.000.000đồng, chia đôi C và T mỗi người được 5.000.000đồng. B biết xe phạm tội mà có nhưng vẫn mua sau đó đưa xe mô tô đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh bán lại cho một nam thanh niên tên “N” (không rõ lai lịch) với giá 12.000.000đồng. Ngày 10/8/2024, bà Nguyễn Ngọc Thảo V đến Công an phường A2, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Tại Kết luận định giá số 76/KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “01 xe mô tô Honda SH mode, màu đen- bạc, biển số 59M2-063.94 trị giá 39.000.000đồng” (BL số 468-471)

Vụ 3: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 03/9/2023, Dương Thanh T đi bộ trên đường T đến đường T, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi T đi đến nhà số B đường T, phường C, Quận E thì phát hiện trong nhà có hai xe mô tô và chỉ móc ổ khoá cửa, không khoá cửa nên T mở ổ khoá đột nhập vào trong nhà, lục soát phát hiện và lấy 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá màu đỏ; 01 vòng đeo tay bằng đá màu nâu, 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu bạc nhãn hiệu BULOVA Automatic 21 Jewels của ông Hà Văn H2. Sau đó, T tìm thấy chìa khoá xe mô tô Honda SH 125, biển số 59L3-092.06 nên lấy chìa khoá mở khoá xe, điều khiển xe cùng tài sản vừa lấy trộm được chạy ra hướng đường A tẩu thoát. Sau đó T mang xe này đến gần Bến xe A bán cho Y T4 (không rõ lai lịch) được số tiền 11.000.000đồng, tài sản còn lại là 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá màu đỏ, 01 vòng đeo tay bằng đá màu nâu, 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu bạc nhãn hiệu BULOVA Automatic 21 Jewels Tuấn giữ lại trong người (BL số 694-701).

Tại Kết luận định giá số 84/KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “01 xe mô tô Honda SH 125, biển số 59L3-092.06 trị giá 32.000.000đồng” (BL số 683-686)

Đối với: 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá màu đỏ; 01 vòng đeo tay bằng đá màu nâu; 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu bạc nhãn hiệu BULOVA Automatic 21 Jewels, không đủ cơ sở định giá do không xác định được thông tin về xuất xứ, kích thước, nhãn hiệu, không có hóa đơn chứng từ (BL số 681).

* Vật chứng vụ án và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số I: 355340089302955 là tài sản của bà Lê Thị Ngọc H.

- 01 Laptop nhãn hiệu Dell Vostro và 01 Laptop nhãn hiệu Sony là tài sản của ông Bùi Xuân H1.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá màu đỏ; 01 vòng đeo tay bằng đá màu nâu; 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu bạc nhãn hiệu BULOVA Automatic 21 Jewels là tài sản của ông Hà Văn H2 (chồng bà Phạm Thị G1).

Tất cả các vật chứng nêu trên quá trình điều tra, xét không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị Ngọc H, ông Bùi Xuân H1 và ông Hà Văn H2 (BL số 131, 736).

- 02 USB ghi nhận hình ảnh Dương Thanh T thực hiện hành vi phạm tội (đính kèm hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại di động hiệu Lenovo số Imeil 1: 864431050583790, số Imeil 2: 864431050583808 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61C1-010.82, số khung: RLCS5C640AY390919, số máy: 5C64390923 thu giữ của Tống Giang B. B khai nhận chiếc điện thoại di động là tài sản cá nhân B sử dụng để liên lạc để mua bán tài sản do phạm tội mà có. Xe mô tô B mua ở cửa hàng không nhớ địa chỉ và không làm thủ tục sang tên và sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh xe do ông Bùi Quang Định cư T5 thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên đăng ký nhưng hiện nay ông Đ không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả (BL số 817, 824, 825).

- Số tiền 9.500.000đồng (thu giữ của Tống Giang B) có được từ việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

- Đối với 06 chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã chiếm đoạt và 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị Ngọc H, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C và Tống Giang B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Công bố lời khai của các bị hại có nội dung như các bị cáo đã khai nhận. Về trách nhiệm dân sự các bị hại:

- Bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo Dương Thanh T bồi thường số tiền 20.000.000đồng đối với chiếc xe mô tô Honda Vision, biển số 59G2-307.18 mà T đã chiếm đoạt nhưng ngày 27/5/2025 bà H có đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 18.500.000đồng (BL số 154).

- Ông Bùi Xuân H1 yêu cầu bị cáo Dương Thanh T và Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 15.000.000đồng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53P1-9099 mà các bị cáo đã chiếm đoạt (BL số 177).

- Bà Đỗ Thị Ngọc A yêu cầu bị cáo Dương Thanh T bồi thường số tiền 25.000.000 đồng đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59V2-673.30 mà T đã chiếm đoạt nhưng ngày 27/5/2025 bà A có đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 22.500.000 đồng (BL số 212).

- Ông Ngô Văn S yêu cầu bị cáo Dương Thanh T và Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 17.900.000 đồng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 59P1-933.13 mà các bị cáo đã chiếm đoạt (BL số 531-532).

- Bà Nguyễn Ngọc Thảo V yêu cầu bị cáo Dương Thanh T và Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 39.000.000 đồng đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 59M2-063.94 mà các bị cáo đã chiếm đoạt (BL số 535-536, 603).

- Ông Võ Lê Minh T3 yêu cầu bị cáo Dương Thanh T bồi thường số tiền 32.000.000 đồng đối với xe mô tô Honda SH 125, biển số 59L3-092.06 mà T đã chiếm đoạt (BL số 705, 804-805).

* Tại Cáo trạng số 138/CT-VKSQ12 ngày 09/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố

Bị cáo Dương Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Tống Giang B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C và Tống Giang B và đề nghị:

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Dương Thanh T từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Tống Giang B từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Tống Giang B từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự, đề nghị:

+ Buộc bị cáo Dương Thanh T phải bồi thường cho các bị hại: Bà Lê Thị Ngọc H số tiền 18.500.000đồng; bồi thường cho bà Đỗ Thị Ngọc A số tiền 22.500.000đồng và ông Võ Lê Minh T3 số tiền 32.000.000đồng.

+ Buộc bị cáo Dương Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho các bị hại: Ông Bùi Xuân H1 số tiền 13.000.000đồng; bồi thường cho ông Ngô Văn S số tiền 17.900.000đồng bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T6 Vy số tiền 39.000.000đồng.

- Về vật chứng, đề nghị: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Lenovo; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61C1-010.82 và số tiền 9.500.000đồng thu giữ của Tống Giang B.

Các bị cáo không tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Từ ngày 03/8/2023 đến ngày 03/9/2023, Dương Thanh T đã 06 lần có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là 06 xe mô tô và laptop của các chủ sở hữu với tổng trị giá là 150.700.000đồng trên địa bàn Quận A, Quận A và Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó Dương Thanh T đã cùng Nguyễn Văn C thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt 01 xe mô tô, 02 laptop tại phường T, Quận A và

02 lần chiếm đoạt 02 xe mô tô tại Quận A; tổng giá trị tài sản mà T và C chiếm đoạt là 76.400.000đồng nên Dương Thanh T và Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nguyễn Văn C và Tống Giang B mặc dù không hứa hẹn trước và biết rõ là tài sản do Dương Thanh T phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ tài sản, trong đó: Nguyễn Văn C đã có hành vi 01 lần tiêu thụ xe mô tô 59G2-307.18, trị giá là 18.500.000đồng; Tống Giang B đã có hành vi tiêu thụ 04 xe mô tô với tổng giá trị tài sản là 97.900.000đồng.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, trật tự công cộng nên hành vi của các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Tống Giang B đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Tổng trị giá tài sản bị cáo Dương Thanh T chiếm đoạt của các bị hại là 150.700.000đồng; trong đó phần bị cáo T một mình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá là 74.300.000đồng; bị cáo T cùng bị cáo C chiếm đoạt tài sản trị giá là 76.400.000đồng nên hành vi của bị cáo T và C đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000đồng”. Bị cáo Dương Thanh T không có công việc, không thu nhập và không nơi ở ổn định nhưng đã 06 lần thực hiện hành vi phạm tội và lấy đó làm nguồn sống chủ yếu nên hành vi của bị cáo T đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự “Có tính chất chuyên nghiệp”.

- Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Văn C đã tiêu thụ là 18.500.000đồng; trị giá tài sản bị cáo Tống Giang B đã tiêu thụ là 97.900.000đồng nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Tống Giang B đã vi phạm khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý lo ngại trong nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Dương Thanh T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Tái phạm”.

Bị cáo Nguyễn Văn C 03 lần trộm cắp tài sản; bị cáo Tống Giang B 04 lần tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Tống Giang B là “Phạm tội 02 lần trở lên”. Vì vậy, các bị cáo C và B phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về phân hoá vai trò và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân hoá vai trò như sau:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Bị cáo Dương Thanh T là người khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản hơn, trị giá tài sản chiếm đoạt cũng lớn hơn và được hưởng lợi nhiều hơn bị cáo Nguyễn Văn C nên Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có vai trò cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn C. Còn bị cáo Nguyễn Văn C mặc dù tích cực thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người bị rủ rê, được hưởng lợi ít hơn nên vai trò thấp so với bị cáo Dương Thanh T. Bị cáo T và C đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo T chịu 02 tình tiết định khung hình phạt, trị giá tài sản chiếm đoạt 150.700.000đồng; đối với bị cáo C chiếm đoạt tài sản trị giá là 76.400.000đồng nên xử phạt bị cáo Dương Thanh T cao hơn sơ với bị cáo Nguyễn Văn C.

- Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Bị cáo Nguyễn Văn C có hành vi tiêu thụ tài sản xe mô tô biển số 59G2-307.18 do bị cáo T trộm cắp mà có và trị giá tài sản là 18.500.00đồng. Còn bị cáo Tống Giang B đã 04 lần tiêu thụ tài sản do bị cáo T và C trộm cắp với Tổng trị giá là 97.900.000đồng. Vì vậy, bị cáo Tống Giang B có vai trò cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn C. Nhân thân bị cáo Tống Giang B chưa có tiền án, tiền sự nhưng trị giá tài sản bị cáo tiêu thụ là 97.900.000đồng nên cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn so với bị cáo Nguyễn Văn C về tội này.

Bị cáo Nguyễn Văn C phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật, người phạm tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” còn có thể bị phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với các bị hại: Bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 18.500.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô Honda Vision, biển số 59G2-307.18; bà Đỗ Thị Ngọc A yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 22.500.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59V2-673.30; ông Võ Lê Minh T3 yêu cầu bị cáo T bồi thường

số tiền 32.000.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô Honda SH 125, biển số 59L3-092.

- Đối với các bị hại: Ông Ngô Văn S yêu cầu các bị cáo T và C bồi thường số tiền 17.900.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 59P1-933.13; bà Nguyễn Ngọc Thảo V yêu cầu các bị cáo T và C bồi thường số tiền 39.000.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 59M2-063.94; ông Bùi Xuân H1 yêu cầu các bị cáo T và C bồi thường số tiền 15.000.000đồng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53P1-9099.

Xét thấy quan điểm của các bị hại đưa ra là phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị cáo Dương Thanh T phải bồi thường cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 18.500.000đồng, bồi thường cho bà Đỗ Thị Ngọc A số tiền 22.500.000 đồng, bồi thường cho ông Võ Lê Minh T3 số tiền 32.000.000đồng. Buộc các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C phải liên đới bồi thường cho ông Ngô Văn S số tiền 17.900.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T6 Vy số tiền 39.000.000đồng; đối với ông Bùi Xuân H1 yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000đồng nhưng theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53P1-9099 trị giá 13.000.000đồng nên buộc các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C bồi thường cho ông H1 số tiền 13.000.000đồng.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 9.500.000đồng thu giữ của Tống Giang B là tiền do phạm tội mà có và 01 điện thoại di động hiệu Lenovo số Imeil 1: 864431050583790, số Imeil 2: 864431050583808 thu giữ của Tống Giang B là phương tiện dùng để liên lạc, trao đổi việc mua tài sản phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Ririus, biển số 61C1-010.82, số khung: RLCS5C640AY390919, số máy: 5C64390923 thu giữ của Tống Giang B. Qua xác minh xe do ông Bùi Quang Định cư T5 thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên đăng ký nhưng hiện nay ông Đ không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Do đây là phương tiện bị cáo B dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[10] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Tống Giang B đã mua tài sản của các bị cáo C và T phạm tội mà có rồi bán lại cho các đối tượng thu được T7 số tiền là 30.000.000đồng, đây là số tiền bị cáo B dùng vào việc phạm tội hoặc có được do phạm tội. Khi bị bắt Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo B số tiền 9.500.000đồng có được từ việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên buộc bị cáo B phải tiếp tục phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.500.000đồng.

[11] Về vấn đề khác: Đối với các đối tượng (không rõ lai lịch) mà các bị cáo bán các tài sản trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau. Đối với Trần Thị M, do không biết 02 chiếc laptop mà Nguyễn Văn C để ở phòng trọ của Mỹ là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Dương Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; bị cáo Tống Giang B phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Dương Thanh T** 05 (năm) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C** 04 (bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 (một) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Tống Giang B** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự

+ Buộc bị cáo Dương Thanh T phải bồi thường cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 18.500.000đồng; bồi thường cho bà Đỗ Thị Ngọc A số tiền 22.500.000đồng; bồi thường cho ông Võ Lê Minh T3 số tiền 32.000.000đồng.

+ Buộc các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C phải liên đới bồi thường cho ông Ngô Văn S số tiền 17.900.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T6 Vy số tiền 39.000.000đồng, bồi thường cho ông Bùi Xuân H1 số tiền 13.000.000đồng; cụ thể như sau: Bị cáo Dương Thanh T phải bồi thường cho ông Ngô Văn S số tiền 8.950.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T6 Vy số tiền 19.500.000đồng, bồi thường cho ông Bùi Xuân H1 số tiền 6.500.000đồng. Bị cáo

Nguyễn Văn C phải bồi thường cho ông Ngô Văn S số tiền 8.950.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T6 Vy số tiền 19.500.000đồng, bồi thường cho ông Bùi Xuân H1 số tiền 6.500.000đồng,

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Buộc bị cáo Tống Giang B phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.500.000đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.500.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lenovo số Imeil 1: 864431050583790, số Imeil 2: 864431050583808 thu giữ của Tống Giang B.

+ Giao Cơ quan Thi hành dân sự Quận 12 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với xe mô Yamaha Sirius, biển số 61C1-010.82, số khung: RLCS5C640AY390919, số máy: 5C64390923. Sau thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng số báo đầu tiên, nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung công quỹ nhà nước.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 111/QĐ-VKSQ12 ngày 09/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Dương Thanh T, Nguyễn Văn C, Tống Giang B phải chịu mỗi người 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Dương Thanh T phải chịu 5.397.500đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 1.747.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM (1);
- VKSND Tp . HCM (1);
- Công an Tp . HCM (1);
- Sở Tư pháp Tp . HCM (1);
- VKSND Quận 12 (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận 12 (1);
- UBND và Công an phường nơi bị cáo cư trú (2);
- Bị cáo (1);
- Những người tham gia tố tụng khác (2);
- Bộ phận THA hình sự (5)
- Lưu hồ sơ, văn thư (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thuỳ Trang